TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 64/2017/HSST
Ngày 18/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Tráng A Tếnh.
Các hội thẩm nhân dân: Lò Thị Thúy; Ông Quàng Văn Cương
Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Hà Văn Thiết, thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Châu.
Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên toà: Bà Phạm Thanh Loan, kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2017/TLST ngày 08/08/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐXX ngày 15 tháng 8 năm 2017 đối với các bị cáo sau đây:

1. Lò Văn Th, sinh ngày 25/03/1998.

Nơi ĐKNKTT: Bản Ch, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La, trình độ văn hoá lớp 11/12, nghề nghiệp trồng trọt. Dân tộc: Thái. Quốc tịch Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Lò Văn X, sinh năm 1972 và bà Lò Thị Đ, sinh năm 1972, đều trú tại Bản Ch, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La.

Vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn L, sinh ngày 06/8/1996.

Nơi ĐKNKTT: Bản Ch, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La, trình độ văn hoá lớp 9/12, nghề nghiệp trồng trọt. Dân tộc: Thái. Quốc tịch Việt Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Lò Văn X, sinh năm 1969 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1970, đều trú tại Bản Ch, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La.

Vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Người bị hại:

3.1. Ông Lò Văn H, sinh năm 1981, trú quán: Bản Ch, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3.2. Ông Quàng Văn Th, sinh năm 1968, trú quán: Bản L, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

3.3. Ông Quàng Văn T, sinh năm 1972, trú quán: Bản N, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

4.1 Ông Lò Văn H1, sinh năm 1974, nơi ĐKHKTT: Bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không có lý do. (Đã triệu tập hợp lệ)

4.1 Ông Lê Đức Th, sinh năm 1974, nơi ĐKHKTT: Tiểu khu 1,, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt không có lý do. (Đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo được thể hiện như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 20 giờ ngày 28/4/2017 Lò Văn Th từ nhà ở bản Ch, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La ra đường QL 6 chơi khi cách QL6 khoảng 200m Th phát hiện chiếc xe máy BKS 29N3 – 5614, loại xe SUNRIKA màu sơn đỏ của ông Lò Văn H đang dựng ở lề đường không ai trông coi, Th đã lấy trộm chiếc xe, nhưng do không có chìa khóa nên Th dắt xe ra đường QL 6 rút dây điện ở ổ khóa đấu tắt rồi nổ máy điều khiển xe đi lên xã C, huyện M để tìm người tiêu thụ, đang trên đường đi đến dốc Ch, huyện Y thì Th tháo biển số xe máy ném xuống vực, sau đó Th tiếp tục điều khiển xe đi gạ bán cho Lê Đức Th, trú tại tiểu khu 1, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La với giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Khoảng 3 giờ sáng ngày 10/5/2017 Lò Văn L và Lò Văn Th đi chơi đêm, khi đi qua nhà ông Quàng Văn Th trú tại bản L, xã Ch huyện Y thì phát hiện chiếc xe máy SYM loại xe ANGEL sơn màu ghi BKS 26F8 – 0609 của ông Quàng Văn Th đang dựng trước nhà, lúc đó gia đình ông Th đã đi ngủ hết, Th rủ L lấy trộm xe máy của ông Th, L đồng ý, sau đó L đứng ngoài cảnh giới, Th vào nhà dắt chiếc xe máy của ông Th ra đến chỗ L, L giúp Th đẩy phía sau theo đường QL6 đến ngã ba đường vào bản Ch, do xe không có chìa khóa nên L rút dây điện ổ khóa đấu tắt, Th khởi động xe chở L đi đến khu vực dốc đèo Ch cả hai bị cáo cậy phá phần vỏ xe vứt xuống vực sâu, làm thay đổi hình dạng xe nhằm mục đích tránh sự phát hiện của gia đình và cơ quan chức năng, sau đó cả hai bị cáo điều khiển xe đi ngủ qua đêm tại nhà bà Lò Thị S (cô ruột của Th), đến khoảng 8 giờ sáng ngày 10/5/2017 Th một mình điều khiển chiếc xe máy đi bán cho Lò Văn H ở bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La với giá 1.200.000đ, Th mang tiền về chia cho L 450.000 đồng, số còn lại Th chi tiêu cá nhân hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 21 giờ ngày 16/5/2017 sau khi ăn cơm tối tại nhà người quen thuộc bản N, xã Ch, huyện Y đang trên đường về nhà Lò Văn L rủ Lò Văn Th đi trộm xe máy bán lấy tiền tiêu sài, Th đồng ý, L và Th đi đến gần nhà ông Quàng Văn T thuộc bản N, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La phát hiện có 01 chiếc xe máy của gia đình anh T đang dựng dưới gầm sàn nhà anh T, L đưa cho Th một chiếc chìa khóa xe máy rồi bảo Th đi mở khóa điện và dắt xe ra ngoài, còn L đứng ngoài cảnh giới, Th đi vào gầm sàn lấy chìa khóa mở khóa điện và dắt xe ra chỗ L rồi cả hai dắt xe đến khu bờ suối thuộc bản N rồi nổ máy đi đến vườn cao su thuộc bản Ch, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La, hai bị cáo tháo hai chiếc gương chiếu hậu vứt tại vườn cao su, sau đó tiếp tục điều khiển xe đến nhà Lò Thị S ở bản H, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La ngủ qua đêm, đến sáng ngày 17/5/2017 cả hai bị cáo cùng nhau tháo toàn bộ biển kiểm soát, ống xả, giá để hàng, vỏ xe, đèn pha và đèn hậu của xe để lại gần nhà chị S, Th và L mang chiếc xe đến nhà anh Lò Văn H là thợ sửa chữa xe máy ở cùng bản với chị S gạ bán, L nói xe máy của gia đình đã cũ muốn bán đi, thấy xe đã cũ hỏng nhiều bộ phận, anh H thỏa thuận với L mua chiếc xe trên với giá 1.600.000đ, sau khi bán xong hai bị cáo đi ăn sáng hết 240.000đ, số còn lại Th chia cho L 660.000đ, còn 700.000đ Th cất giữ.

Kết quả định giá tài sản đối với chiếc xe máy của gia đình ông Quàng Văn Th tại thời điểm bị tội phạm chiếm đoạt có trị giá là 3.000.000đ

Chiếc xe máy của gia đình ông Lò Văn H tại thời điểm bị tội phạm chiếm đoạt có trị giá là 2.400.000đ.

Chiếc xe máy của gia đình ông Quàng Văn T tại thời điểm bị tội phạm chiếm đoạt có trị giá là 6.000.000đ

Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 11.400.000đ.

Do có hành vi nêu trên, tại cáo trạng số 42/KSĐT-KT ngày 07/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố các bị cáo Lò Văn Th và Lò Văn L về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lò Văn Th từ 12 đến 18 tháng tù.

Xử phạt Lò Văn L từ 9 đến 12 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dung điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe máy hiệu HONDA.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Lò Văn Th và Lò Văn L phải có trách nhiệm bồi thường khôi phục tài sản bị hư hỏng cho người bị hại ông Quàng Văn T và ông Quàng Văn Th theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, những người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Do lười lao động, thích ăn chơi đua đòi, các bị cáo Lò Văn Th và Lò Văn L đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, hành vi của các bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

Đơn đề nghị của ông Quàng Văn T đề ngày 17/5/2017 ông bị mất trộm một chiếc xe máy màu đỏ đen BKS 26B1 – 600.46.

Đơn trình bày mất xe máy của ông Quàng Văn Th xác định đêm ngày 9/5/2017 con trai ông đi xe máy của gia đình BKS 26F8 – 0609 về dựng tại nhà, nhưng đến sáng ngày 10/5/2017 thì phát hiện bị mất trộm xe và tờ trình ngày 17/5/2017 của ông Lò Văn H trình bày khoảng 20 giờ ngày 28/4/2017 ông H dựng xe ở cạnh đường đi vào bản Ch rồi đi đám tang về thì phát hiện bị mất trộm xe BKS 29N3 – 5614, sau đó đã huy động anh em truy tìm nhưng không thấy

Lời khai của bị cáo Lò Văn Th tại phiên tòa thừa nhận khoảng 20 giờ ngày 28/4/2017 bị cáo Lò Văn Th thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy BKS 29N3 – 5614 đang dựng trên đường vào bản Ch, xã Ch, huyện Y của anh Lò Văn H mang đi cám với giá 500.000đ cho anh Lê Đức Th trú tại xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/HDĐG ngày 18/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, loại xe Elegant, màu sơn đen – đỏ, BKS 26B1 – 600.46 của Quàng Văn T có tổng giá trị là 6.000.000 đồng

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/HĐĐG ngày 30/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, loại xe ANGEL, màu sơn ghi, số khung 039405, số máy 0399405 của Quàng Văn Th có tổng giá trị là 3.000.000 đồng

Tại bản kết luận định giá tài sản số 61/HDĐG ngày 16/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Y kết luận chiếc xe máy nhãn hiệu SURI KBEST, màu sơn xanh, số khung 01713179, số máy 01713542 của Lò Văn H có tổng giá trị là 2.400.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 11.400.000 đồng, trong đó bị cáo Lò Văn Th phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng toàn bộ trị giá tài sản của ba vụ trộm cắp là 11.400.000 đồng, bị cáo Lò Văn L phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số tiền của hai vụ trộm cắp tài sản là 9.000.000 đồng.

Lời khai của các bị cáo Lò Văn Th và Lò Văn L tại phiên tòa thừa nhận Lò Văn Th một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Lò Văn H, còn bị cáo Th và bị cáo L đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy của ông Quàng Văn Th trú tại bản L, xã Ch, huyện Y, tỉnh Sơn La mang đi bán cho ông Lò Văn H, trú tại bản H, xã C, huyện M với giá 1.200.000đ và khoảng 21 giờ ngày 16/5/2017 Lò Văn L và Lò Văn Th cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy BKS 26B1 – 600.46 của ông Quàng Văn T, trú tại bản Na, xã Ch, huyện Y mang đi bán cho ông Lò Văn H, trú tại bản H, xã C, huyện M với giá 1.600.000đ là hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lò Văn Th và Lò Văn L phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng xét thấy hành vi phạm tội của các vị cáo là tinh vi, xảo quyệt gây hoang mang dư luận cho xã hội, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an của địa phương, do vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cả ba lần các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần đều cấu thành tội phạm độc lập, đã vi phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự *"Phạm tội nhiều lần"*.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự, sau khi phạm tội các bị cáo khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, cần áp dụng điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phần nào cho các bị cáo.

Đối với Lò Văn H1 đã mua 02 chiếc xe máy do các bị cáo Th và L trộm cắp, nhưng ông H1 không biết xe máy do trộm cắp mà có, do vậy, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y không xử lý đối với Lò Văn H1 là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với số tiền Lò Văn H1 đã bỏ tiền ra mua hai chiếc xe máy của các bị cáo trộm cắp được là 2.800.000 đồng, nhưng Tòa án đã triệu tập hợp pháp Lò Văn H1 không có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp Lò Văn H1 có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thì được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Đối với Lê Đức Th đã mua 01 chiếc xe máy do bị cáo Lò Văn Th trộm cắp mà có, nhưng ông Lê Đức Th không biết xe máy do trộm cắp mà có, do vậy cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y không xử lý đối với Lò Văn H là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với số tiền Lê Đức Th đã bỏ tiền ra mua chiếc xe máy của bị cáo Lò Văn Th trộm cắp được của Lò Văn H là 500.000 đồng, nhưng Tòa án đã triệu tập hợp pháp Lê Đức Th không có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không xem xét, trường

hợp Lê Đức Th có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thì được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Đối với Lò Thị S là cô ruột của Lò Văn Th, các bị cáo đã trộm cắp xe rồi mang đi để nhà chị S ngủ nhờ qua đêm, nhưng chị S không biết là xe máy các bị cáo trộm cắp mà có, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y không xử lý đối với Lò Văn H là có căn cứ đúng pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ngày 19/6/2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Y đã trả lại cho chủ sở hữu ông Quàng Văn T gồm:

01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM loại xe ELEGANT đã bị tháo vỏ, số khung 022884, số máy 002884.

01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy mang tên Quàng Văn T.

01 bộ vỏ nhựa màu đỏ của hãng xe máy Angel trong đó có nhiều mảnh đã bị vỡ.

01 đèn pha xe máy không rõ ký hiệu.

01 đèn hậu xe máy không rõ ký hiệu.

01 ống xả xe máy đã bị vỡ gẫy.

01 giá đỡ hàng ở phần giữa xe máy.

02 gương chiếu hậu xe máy.

Ngày 15/6/2017 người bị hại đã cùng các cơ quan chức năng và thợ sửa chữa xe máy xác định tổng các bộ phận xe của ông Quàng Văn T bị thiệt hại là 2.500.000đ.

Tại phiên tòa ông Quàng Văn T xác định có một số tài sản được trả lại nhưng các bị cáo đã cậy phá bị hư hỏng không còn sử dụng được và đề nghị các bị cáo phải bồi thường toàn bộ tiền khôi phục sửa chữa xe máy và tiền công truy tìm tài sản là 5.700.000 đồng, các bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, xét việc thỏa thuận của các bị cáo và người bị hại Quàng Văn T là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại.

- Trả cho ông Quàng Văn Th 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM loại xe ANGEL không có vỏ xe, không có biển kiểm soát, số khung 039405, số máy 039405.

Đối với biển số xe máy 26F8 – 0609 và toàn bộ vỏ xe sơn màu ghi của ông Quàng Văn Th không truy tìm được, cần buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại.

Ngày 15/6/2017 người bị hại, các bị cáo đã cùng các cơ quan chức năng và thợ sửa chữa xe máy xác định tổng các bộ phận xe của ông Quàng Văn Th bị thiệt hại là 1.500.000đ

Tại phiên tòa ông Quàng Văn Th xác định toàn bộ vỏ xe không truy tìm được và một số bộ phận khác của xe máy bi cậy phá hư hỏng nặng, đề nghị các bị cáo phải bồi thường toàn bộ tiền khôi phục sửa chữa xe máy và tiền công truy tìm tài sản là 4.500.000 đồng, các bị cáo nhất trí bồi thường theo yêu cầu của người bị hại, xét việc thỏa thuận của các bị cáo và người bị hại Quàng Văn Th là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần công nhậ sự thỏa thuận giữa các bị cáo và người bị hại.

- Trả cho ông Lò Văn H 01 chiếc xe máy loại xe SIRI KABEST màu sơn xanh không biển kiểm soát, số khung 01713179, số máy 01713542 và xác định không có thiệt hạ gì.

- Đối với biển kiểm soát 29N3 – 5614 của xe máy anh Lò Văn H không truy tìm được, tại phiên tòa Lò Văn H không yêu cầu bồi thường, cần chấp nhận.

Vật chứng vụ án: 01 chiếc chìa khóa xe máy, trên bề mặt có chữ HONDA là chìa khóa các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn Th và Lò Văn L phạm tội trộm cắp tài sản.

1.Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lò Văn Th 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2017

2.Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lò Văn L 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2017

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 246, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về việc các bị cáo Lò Văn L và Lò Văn Th bồi thường cho người bị hại ông Quàng Văn T là 5.700.000 đồng, theo phần bị cáo Lò Văn Th phải bồi thường là 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng), Lò Văn L phải bồi thường là 2.850.000đ (Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

Bồi thường cho ông Quàng Văn Th là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng), theo phần bị cáo Lò Văn Th phải bồi thường là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), Lò Văn L phải bồi thường là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tó tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe máy ký hiệu HONDA

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự

Buốc các bị cáo Lò Văn Th và Lò Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 255.000 đồng tiền án phí dân sự theo giá nghạch. Tổng mỗi bị cáo phải chịu hai khoản án phí là 455.000 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Báo cho các bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKS huyện Yên Châu;
- Chi cục THA huyệnYên Châu;
- CA huyện Yên Châu;
- Trại giam.
- Người bị hại.
- Người liên quan.
- Bị cá0 + Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tráng A Tếnh